

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG VLVH NĂM 2021 - NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
1	Điều dưỡng	ĐD.B.001	Nguyễn Thị Kim	Thanh	13/08/1982	Nữ	Kinh	031182001186	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	7.6	6.8	22.5	7.3	2	07
2	Điều dưỡng	ĐD.B.002	Nguyễn Thị	Cánh	21/08/1993	Nữ	Kinh	031193001544	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	7.4	8	23.6	7.57	3	
3	Điều dưỡng	ĐD.B.003	Trịnh Thị	Nguyệt	25/09/1980	Nữ	Kinh	031180002738	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	7	6.8	20.4	7.3	3	
4	Điều dưỡng	ĐD.B.004	Đoàn Phương	Thảo	29/09/1996	Nữ	Kinh	031858889	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.6	8.5	8.9	26	7.65	3	
5	Điều dưỡng	ĐD.B.005	Bùi Thanh	Huyền	03/08/1997	Nữ	Kinh	001197012381	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.9	9.3	9.1	27.3	7.57	2	
6	Điều dưỡng	ĐD.B.006	Dương Thị Thu	Chinh	15/12/1994	Nữ	Kinh	031194000828	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.6	6.4	21.3	7.1	2	
7	Điều dưỡng	ĐD.B.007	Nguyễn Văn	Lương	20/05/1991	Nam	Kinh	031091000607	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	6.4	6.8	19.8	7.7	3	
8	Điều dưỡng	ĐD.B.008	Vũ Thị	Lương	27/11/1984	Nữ	Kinh	031184006013	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.9	6.1	6.4	18.4	7.59	3	07
9	Điều dưỡng	ĐD.B.009	Lê Thị Tú	Hương	10/12/1989	Nữ	Kinh	031189001483	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.8	6.9	6.3	18	7.2	3	07
10	Điều dưỡng	ĐD.B.010	Khúc Văn	Hoàng	18/11/1991	Nam	Kinh	031091006494	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	7.6	6.7	22.8	7.4	2	
11	Điều dưỡng	ĐD.B.011	Nguyễn Thị	Lê	30/10/1994	Nữ	Kinh	031804073	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.6	6.1	5.6	16.3	7.35	2	
12	Điều dưỡng	ĐD.B.012	Lâm Hồng	Vân	17/02/1996	Nữ	Kinh	031196005707	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	5.7	6.8	19.6	7.58	3	
13	Điều dưỡng	ĐD.B.013	Nguyễn Thị Thuý	Hường	25/06/1999	Nữ	Kinh	032000558	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	8	8	8.8	24.8	6.85	3	
14	Điều dưỡng	ĐD.B.014	Trần Quỳnh	Trang	11/04/1996	Nữ	Kinh	031196002804	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	9.2	7.1	24	7	3	
15	Điều dưỡng	ĐD.B.015	Phạm Thị Thu	Trà	13/09/1996	Nữ	Kinh	031893102	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	7.1	8.2	22.5	7.1	3	
16	Điều dưỡng	ĐD.B.016	Đoàn Thị Hương	Thảo	22/06/1996	Nữ	Kinh	031892873	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	7.5	7.8	8.4	23.7	6.6	3	
17	Điều dưỡng	ĐD.B.017	Nguyễn Thị Mai	Anh	24/11/1988	Nữ	Kinh	031188001131	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.6	6.8	9	24.4	7.44	3	

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
18	Điều dưỡng	ĐD.B.018	Lê Thị Bích	Loan	23/03/1985	Nữ	Kinh	031185012435	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	5.6	7.7	19.1	7.4	2-NT	07
19	Điều dưỡng	ĐD.B.019	Phạm Thị	Thuy	29/03/1987	Nữ	Kinh	037187000041	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	6.1	7.6	19.5	7.29	3	07
20	Điều dưỡng	ĐD.B.020	Lê Thị Thanh	Hải	05/05/1991	Nữ	Kinh		Học lực lớp 12 loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn	6.3	4.8	5.8	16.9	6.7	2-NT	07
21	Điều dưỡng	ĐD.B.021	Lê Thị Thanh	Dung	16/03/1993	Nữ	Kinh	031848371	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	7	6.3	20.3	7.5	1	
22	Điều dưỡng	ĐD.B.022	Nguyễn Thị	Huệ	30/09/1981	Nữ	Kinh	031181002552	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	8.7	7	7	22.7	7.4	2-NT	07
23	Điều dưỡng	ĐD.B.023	Nguyễn Xuân	Phong	01/09/1996	Nam	Kinh	031962470	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	7.4	6.9	21	7	1	
24	Điều dưỡng	ĐD.B.024	Nguyễn Thị Tú	Ninh	29/08/1982	Nữ	Kinh	031182006389	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.9	6.1	7	19	7.49	3	07
25	Điều dưỡng	ĐD.B.025	Vương Thành	Trang	27/12/1991	Nữ	Kinh	033191000513	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.5	6.8	21.6	7.3	3	07
26	Điều dưỡng	ĐD.B.026	Nguyễn Thị	Thu	03/10/1993	Nữ	Kinh	031193006833	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	7.3	8.6	22	7.7	1	07
27	Điều dưỡng	ĐD.B.027	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/06/1994	Nữ	Kinh	031194003125	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	7.1	6.3	21.5	7.82	3	07
28	Điều dưỡng	ĐD.B.028	Nguyễn Hồng	Ly	22/01/1995	Nữ	Kinh	031953208	TN Cao đẳng loại khá trở lên	9.4	8.2	8.5	26.1	7.4	2	
29	Điều dưỡng	ĐD.B.029	Vũ Thị	Hiền	22/06/1993	Nữ	Kinh	031706257	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	5.9	7.4	18.6	7.43	3	
30	Điều dưỡng	ĐD.B.030	Vũ Thị Kim	Oanh	05/12/1991	Nữ	Kinh	031191001238	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	8.9	9.3	26.3	7.3	3	07
31	Điều dưỡng	ĐD.B.031	Lương Thị Bích	Liên	22/08/1983	Nữ	Kinh	031173216	TN Cao đẳng loại khá trở lên	9.4	9.2	8	26.6	8.19	3	07
32	Điều dưỡng	ĐD.B.032	Chu Thị	Anh	23/04/1993	Nữ	Kinh	031851318	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.8	6.5	7	21.3	7.6	3	07
33	Điều dưỡng	ĐD.B.033	Vũ Thị	Thu	23/09/1985	Nữ	Kinh	031994196	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.4	5	5.9	16.3	7.4	2-NT	07
34	Điều dưỡng	ĐD.B.034	Nguyễn Thị	Hoa	26/10/1986	Nữ	Kinh		Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.2	6.6	6.4	19.2	7.8	3	07
35	Điều dưỡng	ĐD.B.035	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	01/10/1983	Nữ	Kinh	035183000169	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	6.2	5.2	17.5	8	2	
36	Điều dưỡng	ĐD.B.036	Nguyễn Hoàng	Thu	16/08/1997	Nữ	Kinh	132284818	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	8.6	8.6	25.4	7.64	1	
37	Điều dưỡng	ĐD.B.037	Trần Thị Hà	Duyên	04/10/1994	Nữ	Kinh	031779469	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.6	7	19.6	7.5	2	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
38	Điều dưỡng	ĐD.B.038	Trần Thị	Dung	20/05/1989	Nữ	Kinh	031675615	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	5.4	6.5	19.3	7.2	3	
39	Điều dưỡng	ĐD.B.039	Phạm Trung	Hùng	18/11/1977	Nam	Kinh	031015952	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.4	5.7	5	17.1	7.9	3	07
40	Điều dưỡng	ĐD.B.041	Đồng Thị Mỹ	Lệ	09/05/1984	Nữ	Kinh	031184004320	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.5	7.4	22.2	7.7	2-NT	07
41	Điều dưỡng	ĐD.B.042	Ngô Minh	Tuấn	22/08/1986	Nam	Kinh	031086012115	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.7	5.7	5.7	16.1	7.3	3	07
42	Điều dưỡng	ĐD.B.043	Ngô Văn	Đỗ	23/11/1993	Nam	Kinh	013093007699	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	6.5	9.1	23	7.27	3	07
43	Điều dưỡng	ĐD.B.044	Nguyễn Thị	Nhung	26/07/1994	Nữ	Kinh	031194006644	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.7	5.6	6.7	18	7.11	2	
44	Điều dưỡng	ĐD.B.045	Trần Thị	Thái	21/09/1977	Nữ	Kinh	031177007579	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	7.1	7	6.3	20.4	7	3	
45	Điều dưỡng	ĐD.B.046	Vũ Thị	Thủy	16/07/1992	Nữ	Kinh	031719392	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	6.1	6.9	19.2	7.1	2	
46	Điều dưỡng	ĐD.B.047	Hoàng Thị	Tiếp	23/02/1983	Nữ	Kinh	031183006007	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	7.8	7.7	22.5	7.7	3	07
47	Điều dưỡng	ĐD.B.048	Đặng Thị	Hồng	05/02/1993	Nữ	Kinh	031193005732	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	8.1	7.5	6.5	22.1	6.9	2	07
48	Điều dưỡng	ĐD.B.049	Phạm Văn	Doan	04/04/1994	Nam	Kinh	031883588	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.9	7.3	7.2	22.4	7.46	2	
49	Điều dưỡng	ĐD.B.050	Phan Thị	Hương	22/10/1989	Nữ	Kinh	031189010544	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.1	6.8	21.2	7.6	3	07
50	Điều dưỡng	ĐD.B.051	Nguyễn Thị Minh	Thu	13/02/1992	Nữ	Kinh	031695218	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	7.5	7.6	22.6	7.3	3	07
51	Điều dưỡng	ĐD.B.052	Nguyễn Thanh	Loan	12/12/1995	Nữ	Kinh	152022789	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	8.1	7.5	23.2	7.36	3	07
52	Điều dưỡng	ĐD.B.053	Trần Thị Thu	Hương	24/11/1989	Nữ	Kinh	031639933	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	5.4	7.8	20.8	7.64	3	
53	Điều dưỡng	ĐD.B.054	Đỗ Thị	Liều	23/02/1984	Nữ	Kinh	031184010040	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.7	7.6	8	24.3	7.68	3	07
54	Điều dưỡng	ĐD.B.055	Ngô Thị	Hương	28/05/1992	Nữ	Kinh	033192002457	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	7.2	6.2	20.5	7.4	3	07
55	Điều dưỡng	ĐD.B.056	Vũ Thị	Hằng	05/01/1993	Nữ	Kinh	031840861	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	7.1	8.1	22.7	7.3	3	
56	Điều dưỡng	ĐD.B.057	Ngô Bích	Ngọc	06/10/1994	Nữ	Kinh	031811149	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	6.9	7.8	22.8	7.08	3	
57	Điều dưỡng	ĐD.B.058	Phùng Thạch	Thảo	05/06/1990	Nữ	Kinh	031190007006	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	8.2	7.2	22.4	7.96	3	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
58	Điều dưỡng	ĐD.B.059	Ngô Quang	Huyền	27/10/1993	Nữ	Kinh	031716424	Điểm TBC các môn văn hóa THPT đạt từ 6.5 trở lên	7.5	6.3	6.9	20.7	6.8	3	07
59	Điều dưỡng	ĐD.B.060	Lê Thị	Thanh	06/02/1983	Nữ	Kinh	034183006604	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	8.1	6.6	6.9	21.6	6.93	2-NT	07
60	Điều dưỡng	ĐD.B.062	Đỗ Thị	Thuy	30/07/1991	Nữ	Kinh	031191008570	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	6.6	7.1	21.4	7.5	3	07
61	Điều dưỡng	ĐD.B.063	Phạm Thị Kim	Nhung	02/12/1983	Nữ	Kinh	031183009109	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	7.1	6.7	21.4	7.8	3	07
62	Điều dưỡng	ĐD.B.064	Hoàng Thị	Lương	24/07/1988	Nữ	Kinh	100971299	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	8.6	7.2	7.2	23	6.49	2-NT	07
63	Điều dưỡng	ĐD.B.065	Diệp Thị	Liên	10/01/1989	Nữ	Kinh	101047754	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	7.1	7.3	22	7.36	2-NT	07
64	Điều dưỡng	ĐD.B.066	Phạm Hồng	NHung	09/11/1985	Nữ	Kinh	031185003399	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	6	7.9	20.9	7.53	2-NT	07
65	Điều dưỡng	ĐD.B.067	Lê Thị	Hội	20/10/1987	Nữ	Kinh	022187005078	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	6.3	8.5	22.2	7.2	2-NT	07
66	Điều dưỡng	ĐD.B.068	Trịnh Ngọc	Kiều	14/08/1995	Nữ	Kinh	101169702	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.6	7.8	8.4	24.8	8.31	2-NT	07
67	Điều dưỡng	ĐD.B.069	Lục Duy	Thanh	21/06/1988	Nam	Kinh	022088006487	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	6.8	6.9	19.8	7.9	2-NT	07
68	Điều dưỡng	ĐD.B.070	Vương Ngọc	Hân	24/07/1988	Nữ	Kinh	142291371	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	5.8	6.2	17.2	6.6	3	06
69	Điều dưỡng	ĐD.B.071	Lương Thu	Thảo	01/12/1995	Nữ	Kinh	031952543	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	8	8.7	25.2	7.5	3	07
70	Điều dưỡng	ĐD.B.072	Trần Thị	Khương	29/10/1996	Nữ	Kinh	031879832	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	5.6	6.2	18.3	7.7	3	07
71	Điều dưỡng	ĐD.B.073	Ngô Thị Minh	Loan	10/01/1993	Nữ	Kinh	031818967	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.7	9.3	7.9	25.9	7.1	3	
72	Điều dưỡng	ĐD.B.074	Trần Hùng	Trường	29/02/1992	Nam	Kinh	031092008615	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.1	6.7	6.3	19.1	6.9	3	07
73	Điều dưỡng	ĐD.B.075	Nguyễn Thị	Cúc	11/02/1987	Nữ	Kinh	031968744	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	7.3	6.8	21.5	8.02	3	
74	Điều dưỡng	ĐD.B.076	Phạm Thị	Mai	25/12/1991	Nữ	Kinh	031191008443	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	7.3	8.4	22.8	7.1	3	
75	Điều dưỡng	ĐD.B.078	Trịnh Văn	Tiến	29/07/1991	Nam	Kinh	038091003952	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.3	5.6	17.9	7.8	3	07
76	Điều dưỡng	ĐD.B.079	Bùi Thị Kim	Vân	22/02/1994	Nữ	Kinh	031848681	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	7.3	7	20.3	7.98	3	07
77	Điều dưỡng	ĐD.B.080	Trần Thị	Vân	01/12/1993	Nữ	Kinh	031193007211	TN PTTH loại khá trở lên	6.8	7.7	8.1	22.6	6.5	3	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
78	Điều dưỡng	ĐD.B.081	Nguyễn Thị	Liên	31/05/1992	Nữ	Kinh	142686224	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.4	6.6	6.5	19.5	7.54	2	
79	Điều dưỡng	ĐD.B.082	Lương Thị	Ngân	02/07/1992	Nữ	Kinh	2/7/1992	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.7	7.4	6.6	20.7	6.7	3	07
80	Điều dưỡng	ĐD.B.083	Vũ Văn	Chính	28/02/1991	Nam	Kinh	03709100678	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5	5.1	5.2	15.3	8.03	3	07
81	Điều dưỡng	ĐD.B.084	Đoàn Thị	Hà	22/04/1995	Nữ	Kinh	142733537	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8	7.6	6	21.6	7.6	2-NT	
82	Điều dưỡng	ĐD.B.085	Nguyễn Thị Lan	Phương	23/10/1993	Nữ	Kinh	031735670	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	5.9	8.2	21.1	7.2	3	07
83	Điều dưỡng	ĐD.B.087	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/01/1994	Nữ	Kinh	031194000920	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	7.7	7.9	23.1	7.48	3	
84	Điều dưỡng	ĐD.B.088	Nguyễn Nhật	Trường	04/11/1994	Nam	Kinh	031780830	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	6.8	7.8	21.9	7.19	3	
85	Điều dưỡng	ĐD.B.089	Trần Viết	Hiệp	31/05/1994	Nam	Kinh	031094000306	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.9	7.3	7.8	24	7.2	3	
86	Điều dưỡng	ĐD.B.090	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	25/08/1993	Nữ	Kinh	035193003259	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.8	6.4	6.9	18.1	7.71	3	07
87	Điều dưỡng	ĐD.B.091	Đoàn Thị	Búp	18/06/1994	Nữ	Kinh	031921670	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	6.3	5.6	19.5	7.3	3	
88	Điều dưỡng	ĐD.B.092	Vũ Thị Thu	Hương	06/09/1995	Nữ	Kinh	152113626	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.9	5.9	21.1	7.41	2-NT	
89	Điều dưỡng	ĐD.B.093	Phạm Thị	Hoàn	20/08/1989	Nữ	Kinh		TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.6	6.2	5.9	17.7	7.6	3	07
90	Điều dưỡng	ĐD.B.094	Mai Thị	Hiên	08/05/1997	Nữ	Kinh	034197000199	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	6.9	6.9	20.7	7.97	2-NT	
91	Điều dưỡng	ĐD.B.095	Phạm Thuý	Hà	28/09/1990	Nữ	Kinh	031190001076	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.4	5.3	6.1	15.8	7.5	3	
92	Điều dưỡng	ĐD.B.096	Vũ Thị Phương	Thảo	24/12/1993	Nữ	Kinh	031733537	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	7.4	6.3	20.2	7.7	3	
93	Điều dưỡng	ĐD.B.097	Nguyễn Thị	Hằng	25/11/1995	Nữ	Kinh	142733527	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	6.5	6.5	19.7	7.3	2-NT	
94	Điều dưỡng	ĐD.B.098	Lê Thị Loan	Trang	08/11/1994	Nữ	Kinh	034194006229	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	8.4	7.6	24.4	7.67	2-NT	
95	Điều dưỡng	ĐD.B.099	Vũ Thị Thanh	Huyền	23/06/1996	Nữ	Kinh	031885431	TN Cao đẳng loại khá trở lên	9.3	9.4	8	26.7	7.5	3	
96	Điều dưỡng	ĐD.B.100	Vũ Thị Thu	Hằng	02/11/1980	Nữ	Kinh	031180001390	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	7.2	6	18.5	7.6	3	07
97	Điều dưỡng	ĐD.B.101	Phạm Thị Ngọc	Ánh	04/04/1993	Nữ	Kinh		Học lực lớp 12 loại khá trở lên	8.1	6	6.5	20.6	6.2	2	

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
98	Điều dưỡng	ĐD.B.102	Lâm Huyền	Trang	18/10/1994	Nữ	Kinh	031194000262	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	8.2	7.3	23.9	7.73	3	07
99	Điều dưỡng	ĐD.B.103	Phạm Trung	Đức	22/10/1993	Nam	Kinh	031093003154	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	7.5	7.3	23.2	6.8	2	
100	Điều dưỡng	ĐD198. 001	Nguyễn Thị Thanh	Huế	07/04/1988	Nữ	Kinh	001188002584	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	5.8	6.4	19.7	7.6	3	07
101	Điều dưỡng	ĐD198. 002	Lương Minh	Ngọc	15/09/1991	Nữ	Kinh	025191001078	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	6.4	7.1	21	7.19	3	07
102	Điều dưỡng	ĐD198. 003	Đỗ Thị	Huyền	14/11/1987	Nữ	Kinh	001187032024	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	5	6.3	17.4	7.7	3	07
103	Điều dưỡng	ĐD198. 004	Nguyễn Văn	Thanh	25/09/1992	Nữ	Kinh	013043051	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.7	6.2	6.8	18.7	6.97	3	07
104	Điều dưỡng	ĐD198. 005	Trần Thị	Nga	20/03/1988	Nữ	Kinh	001188013844	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	6.4	7	20.1	7.7	3	07
105	Điều dưỡng	ĐD198. 006	Chu Thị	Thắm	18/05/1992	Nữ	Kinh	001192014226	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8	7.6	7.4	23	7.86	3	07
106	Điều dưỡng	ĐD198. 007	Nguyễn Thị	Hằng	14/02/1987	Nữ	Kinh	036187004647	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.9	5.2	6.6	17.7	8	3	07
107	Điều dưỡng	ĐD198. 008	Nguyễn Thị	Hoa	22/01/1982	Nữ	Kinh	013191991	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	6.5	7.3	20	7.14	3	07
108	Điều dưỡng	ĐD198. 009	Nguyễn Diệu	Hoa	13/07/1994	Nữ	Kinh	013479125	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	7.4	7.3	21.9	7	3	
109	Điều dưỡng	ĐD198. 010	Hoàng Thị Thùy	Dung	28/12/1994	Nữ	Kinh	001194014332	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	7	6.8	21.5	7.23	3	07
110	Điều dưỡng	ĐD198. 011	Nguyễn Thị	Tuyết	02/07/1987	Nữ	Kinh	033187001069	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	6.6	7.1	21.4	6.95	3	07
111	Điều dưỡng	ĐD198. 012	Tạ Thị Cẩm	Vân	15/07/1990	Nữ	Kinh	064190000134	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.5	5.2	6	15.7	6.92	3	07
112	Điều dưỡng	ĐD198. 013	Nguyễn Thị Thu	Giang	30/04/1985	Nữ	Kinh	001185014814	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	7.9	7.7	23.9	7.04	3	07
113	Điều dưỡng	ĐD198. 014	Lê Thị	Hương	23/08/1985	Nữ	Kinh	025185001099	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	6.1	7.2	20.7	8.95	3	07
114	Điều dưỡng	ĐD198. 015	Nguyễn Duy	Thắng	22/06/1989	Nam	Kinh	001089021256	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.6	5.7	6.4	17.7	8.82	3	07
115	Điều dưỡng	ĐD198. 016	Trương Thị	Quỳnh	23/07/1990	Nữ	Kinh	001190031871	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	7.6	7.1	21.9	7.21	3	07
116	Điều dưỡng	ĐD198. 017	Phạm Song Nhất Hùng	Nhân	03/02/1993	Nam	Kinh	164491367	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.3	6	18.3	6.79	3	07
117	Điều dưỡng	ĐD198. 018	Đỗ Văn	Khôi	30/04/1992	Nam	Kinh	001092027653	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	5.7	6.2	17.1	7.05	3	07
118	Điều dưỡng	ĐD198. 019	Nguyễn Thị	Huyền	02/06/1983	Nữ	Kinh	111848459	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	5.9	7.2	19.6	7.01	3	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
119	Điều dưỡng	ĐD198. 020	Nguyễn Tiến	Công	22/09/1990	Nam	Kinh	112432963	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	7.3	7.2	22.7	6.71	3	07
120	Điều dưỡng	ĐD198. 021	Nguyễn Thị	Nhung	17/10/1988	Nữ	Kinh	112243632	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	8.1	7.5	23.9	7.5	3	07
121	Điều dưỡng	ĐD198. 022	Kiều Thị Thúy	Nga	28/11/1993	Nữ	Kinh	017160354	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	5.9	6.4	20.4	8.12	3	07
122	Điều dưỡng	ĐD198. 023	Nguyễn Thị	Trà	19/02/1992	Nữ	Kinh	163065964	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.9	7.6	7.6	23.1	8.09	3	07
123	Điều dưỡng	ĐD198. 024	Lê Thị	Thúy	14/03/1984	Nữ	Kinh	001184009615	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.7	5.9	7.1	18.7	6.88	3	07
124	Điều dưỡng	ĐD198. 025	Nguyễn Thị	Yến	21/11/1991	Nữ	Kinh	087170734	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	7.1	6.6	21.4	8	3	07
125	Điều dưỡng	ĐD198. 026	Phùng Thị Vũ	Trang	18/05/1990	Nữ	Kinh	025190001197	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	8.2	8.1	24.7	8.95	3	07
126	Điều dưỡng	ĐD198. 027	Đỗ Danh	Thắng	10/03/1993	Nam	Kinh	001093020919	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	5.4	5.6	16.5	6.7	3	07
127	Điều dưỡng	ĐD198. 028	Phạm Xuân	Bắc	12/11/1989	Nam	Kinh	168291985	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	5.9	5.1	17.5	8.57	3	07
128	Điều dưỡng	ĐD198. 029	Phan Thị	Minh	15/10/1980	Nữ	Kinh	035180002583	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	5.5	6.2	17.8	7.07	3	07
129	Điều dưỡng	ĐD198. 030	Phạm Thị	Dung	04/05/1990	Nữ	Kinh	132093054	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.3	4.6	5	13.9	7.12	3	07
130	Điều dưỡng	ĐD198. 031	Ngô Nguyệt	Trang	05/08/1994	Nữ	Kinh	013062321	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.7	7.8	20.5	7.6	3	07
131	Điều dưỡng	ĐD198. 032	Nguyễn Thị Kim	Thoa	29/05/1986	Nữ	Kinh	001186027849	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	7.1	7.9	22.7	7.07	3	07
132	Điều dưỡng	ĐD198. 033	Trần Thị Thu	Thủy	07/05/1992	Nữ	Kinh	163103173	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	6.6	5.7	18.4	7.25	3	07
133	Điều dưỡng	ĐD198. 034	Trương Thị Lan	Anh	18/12/1988	Nữ	Kinh	012838679	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	7.4	8	23.7	7.87	3	07
134	Điều dưỡng	ĐD198. 035	Phạm Thùy	Dương	31/05/1992	Nữ	Kinh	012971650	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	8.3	8.9	25.4	8.04	3	07
135	Điều dưỡng	ĐD198. 036	Nhữ Thị Việt	Anh	24/10/1989	Nữ	Kinh	030189001311	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.8	6.3	6.6	19.7	7.56	3	07
136	Điều dưỡng	ĐD198. 037	Nguyễn Thị	Hiên	17/02/1989	Nữ	Kinh	135415684	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.8	5.6	7.2	19.6	6.95	3	07
137	Điều dưỡng	ĐD198. 038	Nguyễn Thị Thùy	Dung	07/04/1989	Nữ	Kinh	033189005222	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	6.8	7.3	21.2	7.15	3	07
138	Điều dưỡng	ĐD198. 039	Lê Thị Thanh	Bình	11/10/1994	Nữ	Kinh	001194014534	TN Cao đẳng loại khá trở lên	9.3	7	8	24.3	7.5	3	07
139	Điều dưỡng	ĐD198. 040	Vũ Thị Thu	Huyền	25/02/1991	Nữ	Kinh	001191004543	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	6.2	7.1	20.6	7.92	3	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
140	Điều dưỡng	ĐD198. 041	Trần Thị	Mai	26/01/1993	Nữ	Kinh	036193003765	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	5.8	6.7	17.7	6.99	3	07
141	Điều dưỡng	ĐD198. 042	Nguyễn Văn	Tuấn	06/10/1993	Nam	Kinh	132104264	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	5.8	5.8	17.8	7.6	3	07
142	Điều dưỡng	ĐD198. 043	Nguyễn Phương	Thảo	06/03/1992	Nữ	Kinh	001192016109	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	6.7	7.9	23	8.09	3	07
143	Điều dưỡng	ĐD198. 044	Dương Quang	Triệu	28/09/1993	Nam	Kinh	01722547	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	6.7	6	19.6	7.2	3	07
144	Điều dưỡng	ĐD198. 045	Tạ Thị Thu	Phương	14/08/1987	Nữ	Kinh	001187014057	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	7.9	5.8	20.6	7.05	3	07
145	Điều dưỡng	ĐD198. 046	Đinh Thu	Hương	28/10/1987	Nữ	Kinh	001187026917	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	5.2	7.7	19.4	7.5	3	07
146	Điều dưỡng	ĐD198. 047	Trịnh Thị	Quỳnh	03/09/1984	Nữ	Kinh	036184007574	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	7.4	6.8	19.4	7.14	3	07
147	Điều dưỡng	ĐD198. 048	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15/06/1989	Nữ	Kinh	142503993	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.9	6.8	7.8	22.5	7.5	3	07
148	Điều dưỡng	ĐD198. 049	Phạm Thị Minh	Huệ	03/11/1990	Nữ	Kinh	134498227	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.4	5.2	6	16.6	7.13	3	07
149	Điều dưỡng	ĐD198. 050	Trần Đức	Hiếu	01/03/1993	Nam	Kinh	036093010440	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	4.8	6	16.1	8.12	3	07
150	Điều dưỡng	ĐD198. 051	Trần Thị	Hằng	21/07/1995	Nữ	Kinh	035195000954	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	7.3	8.6	24.4	7.54	3	07
151	Điều dưỡng	ĐD198. 052	Phan Thị	Thủy	04/09/1990	Nữ	Kinh	186983059	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.2	5	5	14.2	6.99	3	07
152	Điều dưỡng	ĐD198. 053	Nguyễn Thị Thanh	Loan	06/12/1991	Nữ	Kinh	001191004301	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	6.8	5.9	19	7.07	3	07
153	Điều dưỡng	ĐD198. 054	Nguyễn Phương	Hằng	26/07/1994	Nữ	Kinh	013070890	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	6.4	6.7	19.8	7.43	3	07
154	Điều dưỡng	ĐD198. 055	Lưu Thị Bích	Trang	19/09/1984	Nữ	Kinh	019184000528	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.6	7.4	8	24	7.01	3	07
155	Điều dưỡng	ĐD198. 056	Vũ Văn	Trung	18/11/1986	Nam	Kinh	112212201	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8	8.4	6.7	23.1	7.6	3	07
156	Điều dưỡng	ĐD198. 057	Trần Mỹ	Vi	24/03/1986	Nữ	Kinh	001186001644	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.4	4.2	6.1	15.7	7.09	3	07
157	Điều dưỡng	ĐD198. 058	Nguyễn Thùy	Linh	09/11/1995	Nữ	Kinh	017178327	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	7.2	7.2	20.6	8.5	3	07
158	Điều dưỡng	ĐD198. 059	Nguyễn Xuân	Đức	16/11/1994	Nam	Kinh	017359596	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	6.5	6.3	19.1	8.02	3	07
159	Điều dưỡng	ĐD198. 060	Bùi Thị Bích	Hải	05/07/1980	Nữ	Kinh	042180000039	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5	5.9	5.8	16.7	8.65	3	07
160	Điều dưỡng	ĐD198. 061	Đào Thị	Hoài	14/03/1983	Nữ	Kinh	001183018829	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	7.2	6	19.5	7.71	3	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
161	Điều dưỡng	ĐD198.062	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	27/11/1984	Nữ	Kinh	012507138	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	7.5	7.8	22.7	7.3	3	07
162	Điều dưỡng	ĐD198.063	Nguyễn Thu	Hà	19/12/1986	Nữ	Kinh	012370437	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	7.9	6.7	22.8	8.7	3	07
163	Điều dưỡng	ĐD198.064	Nguyễn Thị Kiều	Nga	26/10/1987	Nữ	Kinh	001187014169	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	8	7.2	22.8	8.1	3	07
164	Điều dưỡng	ĐD198.065	Vũ Thanh	Thùy	01/10/1983	Nữ	Kinh	012132614	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	5.6	7.9	21.7	7.8	3	07
165	Điều dưỡng	ĐD198.066	Trần Thị Thùy	Linh	06/07/1980	Nữ	Kinh	001180000137	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.8	7.1	8.5	22.4	7.68	3	07
166	Điều dưỡng	ĐD198.067	Nguyễn Hiền	Chi	03/01/1983	Nữ	Kinh	012145271	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	7.2	7.2	19.7	8.6	3	07
167	Điều dưỡng	ĐD198.068	Nguyễn Hoàng	Hung	26/11/1988	Nam	Kinh	001088013794	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.6	7.9	20.5	7.2	3	07
168	Điều dưỡng	ĐD198.069	Đặng Bích	Thùy	11/12/1994	Nữ	Kinh	033194002775	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	8.6	8.7	24.3	8.2	3	07
169	Điều dưỡng	ĐD198.070	Trương Ngọc	Anh	22/10/1985	Nữ	Kinh	001185003441	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	7.4	8.1	23.1	7.4	3	
170	Điều dưỡng	ĐD198.071	Phạm Đình	Trọng	04/11/1997	Nam	Kinh	001097022649	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.9	7.5	7.3	20.7	6.76	3	
171	Điều dưỡng	ĐD198.072	Đỗ Thùy	Linh	29/07/1995	Nữ	Kinh	001195016657	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	8.3	8.7	23.6	8.5	3	
172	Điều dưỡng	ĐD198.073	Vũ Đức	Hung	30/03/1992	Nam	Kinh	151885071	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.9	7.5	7.1	20.5	8	2-NT	
173	Điều dưỡng	ĐD198.074	Bùi Thị	Dịu	14/08/1988	Nữ	Kinh	142328490	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	6.2	6.4	19.1	8.93	3	07
174	Điều dưỡng	ĐD198.075	Vũ Hà	My	20/11/1995	Nữ	Kinh	001195012120	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	8	7.8	23.9	7.33	3	07
175	Điều dưỡng	ĐD198.076	Vũ Phương	Thảo	24/01/1995	Nữ	Kinh	013159888	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	8.2	7.5	24.1	7.58	3	07
176	Điều dưỡng	ĐD198.077	Đình Thanh	Tùng	26/04/1995	Nam	Kinh	163368002	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	7.2	7.4	20.6	8.18	3	07
177	Điều dưỡng	ĐD198.078	Nguyễn Thị	Phượng	10/05/1993	Nữ	Kinh	001193013165	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	7.8	7.5	21.9	7.94	3	07
178	Điều dưỡng	ĐD198.079	Vũ Thị Huyền	Trang	14/09/1988	Nữ	Kinh	001188032140	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.5	5.1	6.6	16.2	7.91	3	07
179	Điều dưỡng	ĐD198.080	Phạm Thị Thu	Nguyệt	18/02/1988	Nữ	Kinh	001188014431	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	4.2	5.2	14.9	8	3	07
180	Điều dưỡng	ĐD198.081	Phạm Thị Liên	Hương	13/04/1986	Nữ	Kinh	013167706	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.7	4.1	6.5	15.3	8.2	3	07
181	Điều dưỡng	ĐD198.082	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/02/1994	Nam	Kinh	163294100	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	5.7	5.3	16.2	6.62	3	

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
182	Điều dưỡng	ĐD198. 083	Trần Thị Ngọc	Khánh	30/08/1988	Nữ	Kinh	001188009317	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	5.8	8.3	19.9	7.95	3	07
183	Điều dưỡng	ĐD198. 084	Hà Thu	Trang	30/12/1988	Nữ	Kinh	001188016910	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.2	4.2	7.3	15.7	6.9	3	07
184	Điều dưỡng	ĐD198. 085	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/10/1987	Nữ	Kinh	024187001556	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.4	7.6	6.4	20.4	7.64	3	07
185	Điều dưỡng	ĐD198. 086	Lê Quang	Thành	17/02/1991	Nam	Kinh	132131322	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.5	5.2	5.4	15.1	8.6	3	07
186	Điều dưỡng	ĐD198. 087	Dương Thị Bình	Minh	20/11/1993	Nữ	Kinh	012934275	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	7.4	6.8	20.7	8.26	3	07
187	Điều dưỡng	ĐD198. 088	Đoàn Thị	Chinh	09/08/1988	Nữ	Kinh	112273382	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	6.4	6.6	18.5	7.8	3	07
188	Điều dưỡng	ĐD198. 089	Đoàn Thị	Chi	17/08/1986	Nữ	Kinh	001186015121	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.4	6.5	18.9	8.11	2	
189	Điều dưỡng	ĐD198. 090	Phạm Thị Huyền	Trang	30/12/1987	Nữ	Kinh	090970223	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	6.4	7.4	19.6	8.67	2	
190	Điều dưỡng	ĐD198. 091	Vũ Trung	Kiên	20/07/1991	Nam	Kinh	017091000067	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.4	5.3	6.4	17.1	7.43	3	07
191	Điều dưỡng	ĐD198. 092	Trần Tiến	Tâm	24/05/1991	Nam	Kinh	001091007026	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	5.5	5.7	17.2	7.9	3	07
192	Điều dưỡng	ĐD198. 093	Nguyễn Thị Mai	Anh	29/06/1999	Nữ	Kinh	026199001474	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	6.8	6.9	21.2	7.32	2-NT	
193	Điều dưỡng	ĐDHĐ.001	Phạm Tùng	Dương	20/10/1995	Nam	Kinh	001095023666	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	5.1	6.4	19.2	6.6	3	
194	Điều dưỡng	ĐDHĐ.002	Nguyễn Kiều	Trang	07/12/1994	Nữ	Kinh	017341770	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	5.4	5.2	17.7	7.6	2	
195	Điều dưỡng	ĐDHĐ.003	Tạ Thị	Thúy	27/11/1990	Nữ	Kinh	001190030980	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	5.2	5.7	16.1	7.5	3	07
196	Điều dưỡng	ĐDHĐ.004	Kiều Thị	Nhung	01/09/1990	Nữ	Kinh	017035213	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	5.6	6.2	17.3	7.51	2	
197	Điều dưỡng	ĐDHĐ.005	Trần Thị	Thịnh	30/03/1990	Nữ	Kinh	012883946	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	6.1	8.8	21.2	7.83	2	
198	Điều dưỡng	ĐDHĐ.006	Nguyễn Thị Mai	Loan	14/09/1992	Nữ	Kinh	001192006734	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.4	5.7	6.6	18.7	7.57	2	
199	Điều dưỡng	ĐDHĐ.007	Lê Thị	Hiền	15/02/1992	Nữ	Kinh	001192021723	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.1	5.6	5.6	16.3	7.54	2	
200	Điều dưỡng	ĐDHĐ.008	Nguyễn Thị	Điệp	02/08/1977	Nữ	Kinh	013065004	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	8.1	6	21.6	8.38	2	07
201	Điều dưỡng	ĐDHĐ.009	Trần Hoàng	Hải	03/11/1993	Nam	Kinh	033093002547	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.8	7.3	7.6	21.7	8.71	2	07
202	Điều dưỡng	ĐDHĐ.010	Lê Thị Thủy	Tiên	12/07/1983	Nữ	Kinh	001183036225	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	7.6	6.9	20.5	7.55	3	

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
203	Điều dưỡng	ĐDHĐ.011	Nguyễn Thị	Duyên	17/11/1981	Nữ	Kinh	001181029536	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	8.3	7	23	8.34	3	07
204	Điều dưỡng	ĐDHĐ.012	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/09/1984	Nữ	Kinh	001184012868	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	7.2	7.6	21.3	7.99	3	
205	Điều dưỡng	ĐDHĐ.013	Hoàng Thị	Thanh	22/07/1981	Nữ	Kinh	012202498	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	6.7	6.2	20	8.15	3	07
206	Điều dưỡng	ĐDHĐ.014	Phạm Thị Thu	Hà	07/03/1983	Nữ	Kinh	001183014054	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	6	7.3	19.9	7.99	3	
207	Điều dưỡng	ĐDHĐ.015	Nguyễn Thị	Hạnh	14/11/1985	Nữ	Kinh	027185001017	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8	8.1	8	24.1	7.45	3	07
208	Điều dưỡng	ĐDHĐ.016	Kim Văn	An	27/08/1998	Nam	Kinh	001098014184	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	7.4	7.7	23.2	7.44	2	
209	Điều dưỡng	ĐDHĐ.017	Trương Thành	Công	19/08/1995	Nam	Kinh	184232899	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	6.9	6.5	21.9	7.3	3	
210	Điều dưỡng	ĐDHĐ.018	Phạm Thị Trà	My	02/07/1998	Nữ	Kinh	001190001386	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	8.1	8.7	25.2	7.5	2	
211	Điều dưỡng	ĐDHĐ.019	Nguyễn Thị Thúy	Phương	24/05/1994	Nữ	Kinh	001194025864	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	7.8	8.3	24.6	8.14	2	
212	Điều dưỡng	ĐDHĐ.020	Phạm Thị	Quỳnh	20/07/1998	Nữ	Kinh	033198000808	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	7.3	7.6	22.6	7.31	2-NT	
213	Điều dưỡng	ĐDHĐ.021	Tạ Duy	Dũng	09/10/1984	Nam	Kinh	001084012561	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5	5.1	5.8	15.9	6.7	3	
214	Điều dưỡng	ĐDHĐ.022	Lưu Thị Kim	Thu	20/10/1980	Nữ	Kinh	111462406	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	7.7	7.3	21.2	7.9	3	07
215	Điều dưỡng	ĐDHĐ.023	Quách Thị Lan	Anh	28/05/1996	Nữ	Kinh	125683606	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.7	8.3	8.1	25.1	7.16	2-NT	
216	Điều dưỡng	ĐDHĐ.024	Nguyễn Ngọc	Hà	24/09/1993	Nữ	Kinh	001193010230	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	7.4	6	20.6	7.58	2	07
217	Điều dưỡng	ĐDHĐ.025	Trương Thị Hồng	Nga	19/01/1994	Nữ	Kinh	017345719	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	7	6.8	21.2	7.9	2	
218	Điều dưỡng	ĐDHĐ.026	Đỗ Thị Thanh	Hằng	02/11/1997	Nữ	Kinh	001197006066	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.9	7	6.1	19	7.5	2	
219	Điều dưỡng	ĐDHĐ.027	Nguyễn Thị	Quyên	18/10/1997	Nữ	Kinh	001197022304	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	7.3	8.3	23.1	7.62	2	
220	Điều dưỡng	ĐDHĐ.028	Trần Thị Mỹ	Linh	20/09/1997	Nữ	Kinh	001197008013	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.4	8.2	22.9	7.1	3	
221	Điều dưỡng	ĐDHĐ.029	Trần Thị Vân	Anh	15/02/1988	Nữ	Kinh	013171050	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	8.7	7.4	23.3	7.34	3	07
222	Điều dưỡng	ĐDHĐ.030	Bùi Thị Lệ	Hằng	25/04/1989	Nữ	Kinh	001189006960	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.1	5.1	5.9	15.1	7.22	3	07
223	Điều dưỡng	ĐDHĐ.031	Trịnh Thị	Ngân	29/05/1979	Nữ	Kinh	111461773	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5	5.6	6.8	17.4	8.13	2	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
224	Điều dưỡng	ĐDHĐ.032	Lê Thị	Linh	05/06/1994	Nữ	Kinh	001194019277	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	6.1	6.1	19.4	7.65	3	
225	Điều dưỡng	ĐDHĐ.033	Đỗ Thị	Thủy	26/01/1987	Nữ	Kinh	012450620	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	6	8.3	21.7	8.13	3	
226	Điều dưỡng	ĐDHĐ.034	Nguyễn Đình	Đạt	31/01/1998	Nam	Kinh	001098026234	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.7	7.5	8	22.2	6.16	3	
227	Điều dưỡng	ĐDHĐ.035	Nguyễn Thị	Huyền	17/01/1994	Nữ	Kinh	001194005531	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	6.9	7.5	21.1	6.78	3	
228	Điều dưỡng	ĐDHĐ.036	Phạm Văn	Đức	03/06/1993	Nam	Kinh	001093003842	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	8	7	22.7	6.99	3	
229	Điều dưỡng	ĐDHĐ.037	Trần Thị Thúy	An	21/07/1991	Nữ	Kinh	112435637	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.2	7	21.5	7.7	3	07
230	Điều dưỡng	ĐDHĐ.038	Vũ Thị Thanh	Tú	14/05/1986	Nữ	Kinh	112068686	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.1	4.3	5	13.4	7.4	3	07
231	Điều dưỡng	ĐDHĐ.039	Vũ Châu	Yên	14/11/1997	Nữ	Kinh	001197018932	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5	7.2	6.9	19.1	6.5	3	
232	Điều dưỡng	ĐDHĐ.040	Nguyễn Kiên	Trung	18/02/1993	Nam	Kinh	013271988	TN Cao đẳng loại khá trở lên	3.8	4.1	5.2	13.1	6.37	2	
233	Điều dưỡng	ĐDHĐ.041	Nguyễn Thị	Ánh	30/12/1992	Nữ	Kinh	001192015280	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	6	7.1	18.9	7.1	3	
234	Điều dưỡng	ĐDHĐ.042	Nguyễn Thị	Ánh	01/02/1989	Nữ	Kinh	013605773	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.1	4.6	4.4	14.1	7.6	3	
235	Điều dưỡng	ĐDHĐ.043	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	29/01/1992	Nữ	Kinh	017091646	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	7.5	8.5	24.4	7.28	3	07
236	Điều dưỡng	ĐDHĐ.044	Nguyễn Thị	Liên	10/07/1991	Nữ	Kinh	013639479	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	8.3	8.5	24.2	7.44	2	07
237	Điều dưỡng	ĐDHĐ.045	Lê Thị Thanh	Thúy	04/11/1990	Nữ	Kinh	001190023228	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5	6.3	7.8	19.1	7.1	3	
238	Điều dưỡng	ĐDHĐ.046	Trần Thị	Tuyết	10/06/1986	Nữ	Kinh	001186030213	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	5.6	7.7	20	7.34	3	07
239	Điều dưỡng	ĐDHĐ.047	Phạm Công	Tuấn	09/02/1994	Nam	Kinh	013172551	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	7	6.7	19.2	7.03	2	
240	Điều dưỡng	ĐDHĐ.048	Nguyễn Thị	Thúy	18/02/1983	Nữ	Kinh	090882969	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.8	6.4	4.4	15.6	7.93	3	
241	Điều dưỡng	ĐDHĐ.049	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/1995	Nữ	Kinh	017169954	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	6.4	6.7	19.4	6.8	2	
242	Điều dưỡng	ĐDHĐ.050	Lê Thị	Tươi	23/05/1987	Nữ	Kinh	001187015765	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.7	5.6	8.7	20	7.51	3	07
243	Điều dưỡng	ĐDHĐ.051	Lại Thị	Huyền	09/11/1996	Nữ	Kinh	101221822	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	8	8	24.2	7.49	3	
244	Điều dưỡng	ĐDHĐ.052	Bùi Thị Thanh	Phương	12/11/1996	Nữ	Kinh	152227654	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.9	7.8	7.2	22.9	7.97	3	

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đôi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
245	Điều dưỡng	ĐDHĐ.053	Nguyễn Văn	Luân	26/10/1993	Nam	Kinh	168516495	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5	5.7	5.6	16.3	7.47	2-NT	
246	Điều dưỡng	ĐDHĐ.054	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/1995	Nữ	Kinh	013113967	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	7.7	8.1	24.2	7.28	3	
247	Điều dưỡng	ĐDHĐ.055	Trần Thị Quỳnh	Trang	08/10/1994	Nữ	Kinh	125634780	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	6.8	6.9	19.9	7.76	2	
248	Điều dưỡng	ĐDHĐ.056	Dương Thị Việt	Hồng	20/07/1988	Nữ	Kinh	001188012200	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	7.3	8.8	23.5	7.9	2	
249	Điều dưỡng	ĐDHĐ.057	Tạ Thị	Tuyết	05/04/1991	Nữ	Kinh	001191003478	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	8.4	7.6	24.1	7.1	2	07
250	Điều dưỡng	ĐDHĐ.058	Phạm Thị	Nhu	18/11/1977	Nữ	Kinh	001177025776	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	5.7	6.8	18.8	8.23	3	
251	Điều dưỡng	ĐDHĐ.059	Phạm Thu	Hiền	28/06/1992	Nữ	Kinh	017154605	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.8	6.7	8.3	21.8	7.73	3	07
252	Điều dưỡng	ĐDHĐ.060	Từ Thị	Thúy	09/08/1991	Nữ	Kinh	017008080	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	7.5	7.8	22.2	7.7	3	07
253	Điều dưỡng	ĐDHĐ.061	Nguyễn Thị	Thào	18/11/1991	Nữ	Kinh	017020425	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.6	7	7.8	22.4	7.79	3	
254	Điều dưỡng	ĐDHĐ.062	Lê Thị	Hoa	29/07/1991	Nữ	Kinh	017020428	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	7.4	7.3	21.7	7.32	3	
255	Điều dưỡng	ĐDHĐ.063	Nguyễn Thị Thu	Hằng	15/05/1995	Nữ	Kinh	036195002496	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	7	6.6	20.3	7.18	2-NT	
256	Điều dưỡng	ĐDHĐ.064	Bùi Thị Lan	Anh	10/04/1995	Nữ	Kinh	034195000696	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.9	5.9	6.6	20.4	7.65	3	
257	Điều dưỡng	ĐDHĐ.065	Phạm Thị	Hồng	18/09/1993	Nữ	Kinh	173962181	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	6.2	7.1	19.5	7.12	3	
258	Điều dưỡng	ĐDHĐ.066	Chu Thị Mai	Hoa	16/09/1993	Nữ	Kinh	001193003585	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	7.6	7	21.2	7.62	2	07
259	Điều dưỡng	ĐDHĐ.067	Bùi Việt	Phương	08/08/1996	Nam	Kinh	017444321	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	6.8	7.2	20.9	7.17	3	
260	Điều dưỡng	ĐDHĐ.068	Phạm Thị Kim	Ngân	5/5/1993	Nữ	Kinh	017252476	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.4	8.2	6.5	21.1	7.61	2	
261	Điều dưỡng	ĐDHĐ.069	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	23/10/1989	Nữ	Kinh	001189002856	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	6.2	7.2	20.4	7.66	2	
262	Điều dưỡng	ĐDHĐ.070	Nguyễn Thị Bích	Phương	22/04/1992	Nữ	Kinh	001192002808	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	6.2	6.9	19.7	7.6	2	
263	Điều dưỡng	ĐDHĐ.071	Lê Thị	Dung	11/08/1990	Nữ	Kinh	038190016766	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	7.7	7.1	22.3	7.7	3	07
264	Điều dưỡng	ĐDHĐ.072	Đặng Thị	Thắm	20/05/1986	Nữ	Sán Diu	019186000155	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.7	7.6	6.9	20.2	7.22	3	01
265	Điều dưỡng	ĐDHĐ.073	Trần Thu	Thủy	11/12/1999	Nữ	Kinh	001199016044	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	8	8.2	23.5	6.1	3	

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
266	Điều dưỡng	ĐDHĐ.074	Trần Tuyết	Nga	16/02/1996	Nữ	Kinh	001196005568	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	7	8.3	22.8	7.3	3	
267	Điều dưỡng	ĐDHĐ.075	Vũ Phương	Thảo	16/09/1995	Nữ	Kinh	C6897137 (Số hộ chiếu)	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	7.5	7.2	23	7.61	2	
268	Điều dưỡng	ĐDHĐ.076	Nông Thị Lan	Oanh	08/09/1992	Nữ	Tây	1192004329	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	7.6	9	24.8	7.81	3	01
269	Điều dưỡng	ĐDHĐ.077	Nguyễn Thúy	Trà	16/10/1994	Nữ	Kinh	013191043	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	7.5	7.8	22.4	7.45	3	
270	Điều dưỡng	ĐDHĐ.078	Nguyễn Thị	Diên	10/03/1994	Nữ	Kinh	151961347	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.8	7	7.2	22	8.07	3	07
271	Điều dưỡng	ĐDHĐ.079	Đồng Thái	Hà	10/11/1992	Nữ	Kinh	017109276	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.4	7.7	7.5	21.6	7.08	3	
272	Điều dưỡng	ĐDHĐ.080	Bùi Thị	Biên	15/06/1990	Nữ	Mường	113485116	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.4	6.7	6.7	19.8	7.69	3	01
273	Điều dưỡng	ĐDHĐ.081	Đỗ Tiến	Đồng	20/02/1990	Nam	Kinh	001090030837	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	5.9	6.8	17.9	6.9	2	07
274	Điều dưỡng	ĐDHĐ.082	Nguyễn Thị	Tuyết	06/11/1985	Nữ	Kinh	001185010987	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	4.9	6.9	18.1	7.5	2	07
275	Điều dưỡng	ĐDHĐ.083	Nguyễn Thị	Hải	02/07/1998	Nữ	Kinh	017423100	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	8.3	8.7	23.9	7.28	2	
276	Điều dưỡng	ĐDHĐ.084	Bùi Mạnh	Cường	12/09/1998	Nam	Kinh	142875555	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	7.3	6.5	6.4	20.2	6.21	2-NT	
277	Điều dưỡng	ĐDHĐ.085	Lê Cẩm	Linh	25/02/1995	Nữ	Kinh	001195012883	TN Cao đẳng loại khá trở lên	9.5	6.9	7.8	24.2	7.9	3	07
278	Điều dưỡng	ĐDHĐ.086	Nguyễn Bá	Tùng	17/08/1994	Nam	Kinh	125496846	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.1	6.1	6.5	19.7	7.62	2-NT	
279	Điều dưỡng	ĐDHĐ.087	Nguyễn Anh	Văn	07/11/1997	Nam	Kinh	0010970014520	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	7.5	7	7.1	21.6	6.56	3	
280	Điều dưỡng	ĐDHĐ.088	Trần Thu	Trang	31/08/1986	Nữ	Kinh	001186021354	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	7.3	7.8	23.3	7.9	3	07
281	Điều dưỡng	ĐDHĐ.089	Tạ Văn	Tráng	05/12/1994	Nam	Kinh	001094006680	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	7.4	5.4	19.3	6.96	2	
282	Điều dưỡng	ĐDHĐ.090	Đỗ Thị	Loan	17/04/1996	Nữ	Kinh	001196001860	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	7.2	7.4	22.8	7.99	2	
283	Điều dưỡng	ĐDHĐ.091	Nguyễn Viết	Đức	25/12/1992	Nam	Kinh	017133555	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	6.1	6.3	18.5	6.81	3	07
284	Điều dưỡng	ĐDHĐ.092	Trịnh Thị	Lệ	28/10/1990	Nữ	Kinh	001190004388	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.9	5.7	5.6	17.2	7.8	3	07
285	Điều dưỡng	ĐDHĐ.093	Chữ Thị Khánh	Hà	01/06/1990	Nữ	Kinh	001190020994	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.4	6.5	6.8	17.7	8.26	3	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đôi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
286	Điều dưỡng	ĐDHĐ.094	Lưu Thị	Châm	28/12/1998	Nữ	Kinh	125804072	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	7	7.9	22.3	7.51	2	
287	Điều dưỡng	ĐDHĐ.095	Nguyễn Văn	Bắc	03/08/1994	Nam	Kinh	001094020275	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	8.2	8.1	24.8	7.21	2	07
288	Điều dưỡng	ĐDHĐ.096	Nguyễn Thị	Liên	30/11/1993	Nữ	Kinh	001193012335	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.9	8.4	7.1	24.4	7.62	2	07
289	Điều dưỡng	ĐDHĐ.097	Phan Thị Phương	Linh	23/09/1997	Nữ	Kinh	013402087	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	7.4	6.2	7.3	20.9	9.65	3	
290	Điều dưỡng	ĐDHĐ.098	Vũ Thị	Bình	26/10/1984	Nữ	Kinh	001184026118	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	7.3	6.4	20.3	7.93	2	
291	Điều dưỡng	ĐDHĐ.099	Vũ Thị Minh	Hiếu	08/11/1999	Nữ	Kinh	030199004797	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	8.8	8	25.1	7.7	3	
292	Điều dưỡng	ĐDHĐ.100	Phạm Thị Thanh	Hiền	11/10/1995	Nữ	kinh	168564999	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.9	7.9	7.6	24.4	7.6	2-NT	
293	Điều dưỡng	ĐDHĐ.101	Nguyễn Ngọc	Anh	25/03/1998	Nữ	Kinh	001198022295	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	5.5	7.1	7.4	20	6.36	3	
294	Điều dưỡng	ĐDHĐ.102	Hoàng Thị Bích	Hằng	17/10/1984	Nữ	Kinh	001184021789	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	8.2	7.7	24.1	8.4	3	07
295	Điều dưỡng	ĐDHĐ.103	Nguyễn Thị	Oanh	23/08/1999	Nữ	Kinh	001199012054	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.4	7.8	7.1	22.3	6.8	2	
296	Điều dưỡng	ĐDHĐ.104	Nguyễn Thị Nhật	Linh	19/09/1993	Nữ	Kinh	001193020896	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7	7.1	21.4	6.94	3	
297	Điều dưỡng	ĐDHĐ.105	Nguyễn Như	Ngọc	10/09/1998	Nữ	Kinh	001198014510	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.8	7.4	8.7	22.9	6.93	2	
298	Điều dưỡng	ĐDHĐ.106	Đàm Đình	Tú	11/05/1999	Nam	Kinh	001099011711	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	7.2	7.1	20.3	7	2	
299	Điều dưỡng	ĐDHĐ.107	Ma Thế	Châu	10/10/1997	Nam	Tày	095249234	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	5.1	5.1	16	6.5	1	01
300	Điều dưỡng	ĐDHĐ.108	Lê Ngọc	Tùng	03/10/1995	Nam	Kinh	017348221	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	6.5	7.6	21.3	7.2	2	
301	Điều dưỡng	ĐDHĐ.109	Lê Hữu	Trọng	13/06/1996	Nam	Kinh	017493988	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.8	7.8	7.5	22.1	6.09	2	
302	Điều dưỡng	ĐDHĐ.110	Trần Thị Như	Oanh	13/06/1988	Nữ	Kinh	001188016398	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	6.3	7.1	18.6	7.79	3	07
303	Điều dưỡng	ĐDHĐ.111	Lê Việt	Dũng	19/09/1991	Nam	Kinh	001091011740	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	6.7	5.7	19	7.35	3	
304	Điều dưỡng	ĐDHĐ.112	Trần Thị	Ngọc	29/08/1997	Nữ	Kinh	125784877	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.6	8.2	8.4	25.2	7.53	2	
305	Điều dưỡng	ĐDHĐ.113	Nguyễn Thị	Tri	06/08/1992	Nữ	Kinh	151887820	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	7.9	7.4	23.6	7.5	3	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
306	Điều dưỡng	ĐDHĐ.114	Chu Thị Thu	Hiền	29/11/1991	Nữ	Kinh	001191022233	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	5.5	6.6	17.9	8.1	3	07
307	Điều dưỡng	ĐDHĐ.115	Nguyễn Thị	Oanh	11/09/1989	Nữ	Kinh	012675886	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	6	7.9	19.4	8	3	07
308	Điều dưỡng	ĐDHĐ.116	Hoàng Hồng	Nhung	17/11/1985	Nữ	Kinh	001185008192	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.2	4.9	7.7	17.8	7.41	3	07
309	Điều dưỡng	ĐDHĐ.117	Hoàng Thùy	Dung	24/12/1999	Nữ	Kinh	184380927	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.6	7.8	7.6	24	7.2	3	
310	Điều dưỡng	ĐDHĐ.118	Nguyễn Thị	Hạnh	06/08/1988	Nữ	Kinh	012815737	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.5	8	22.8	7.94	3	07
311	Điều dưỡng	ĐDHĐ.119	Chu Thị	Hoa	30/05/1993	Nữ	Kinh	001193003519	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	6.7	7.2	22.4	8.42	3	07
312	Điều dưỡng	ĐDHĐ.120	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/08/1988	Nữ	Kinh	001188028103	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	6.8	8.2	22.5	8.4	3	07
313	Điều dưỡng	ĐDHĐ.121	Hoàng Thị Thanh	Hoa	03/10/1987	Nữ	Kinh	001187004746	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.4	6.2	6.8	17.4	8.22	3	07
314	Điều dưỡng	ĐDHĐ.122	Phạm Thị	Thùy	16/08/1988	Nữ	Kinh	013345699	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	6.1	7.8	19.4	7.8	3	07
315	Điều dưỡng	ĐDHĐ.123	Ngô Thị Thùy	Linh	08/09/1991	Nữ	Kinh	036191002503	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.4	7.5	7	19.9	7.79	3	07
316	Điều dưỡng	ĐDHĐ.124	Đặng Thị Tuyết	Trinh	06/09/1987	Nữ	Kinh	001187013463	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	7.8	7.2	21.9	7.6	3	07
317	Điều dưỡng	ĐDHĐ.125	Trần Ánh	Tuyết	17/10/1983	Nữ	Kinh	012099132	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.4	5	6.2	15.6	7.81	3	07
318	Điều dưỡng	ĐDHĐ.126	Nguyễn Thị	Mai	24/05/1985	Nữ	Kinh	001185027301	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	5.6	7	19.6	8.01	2	07
319	Điều dưỡng	ĐDHĐ.127	Dương Thị Ngọc	Ánh	15/8/1998	Nữ	Kinh	001198006929	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	7.4	6.6	7.7	21.7	6.42	2	
320	Điều dưỡng	ĐDHĐ.128	Nguyễn Thị	Mai	04/11/1992	Nữ	Kinh	001192009769	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.6	6.4	6.5	18.5	7.16	3	
321	Điều dưỡng	ĐDHĐ.129	Đồng Văn	Hạnh	06/08/1988	Nam	Kinh	142314231	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.4	6.1	6.5	18	7.8	3	
322	Điều dưỡng	ĐDHĐ.130	Trần Thị Kim	Anh	07/09/1986	Nữ	Kinh	001186014163	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.6	7.3	7.3	21.2	8.04	2	
323	Điều dưỡng	ĐDHĐ.131	Nguyễn Thị Hải	Yến	24/01/1991	Nữ	Kinh	017059545	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	5.3	6.7	19.3	7.1	2	
324	Điều dưỡng	ĐDHĐ.132	Vũ Huyền	Trang	01/09/1990	Nữ	Kinh	001190010709	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.1	5.9	6.8	17.8	8.1	3	
325	Điều dưỡng	ĐDHĐ.133	Lê Quỳnh	Mai	29/10/1995	Nữ	Kinh	001195003264	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.3	6.6	6.5	19.4	6.8	3	

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đổi tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
326	Điều dưỡng	ĐDHĐ.134	Vì Thị Hương	Lan	03/09/1990	Nữ	Kinh	050707213	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.8	6.1	7.2	19.1	7.07	2	07
327	Điều dưỡng	ĐDHĐ.135	Nguyễn Khắc	Tiến	16/09/1997	Nam	Kinh	001097026351	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	7.1	5	18.1	7.1	3	
328	Điều dưỡng	ĐDHĐ.136	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	09/03/1998	Nữ	Kinh	017524588	Học lực lớp 12 loại khá trở lên	6.5	5.8	8.9	21.2	6.26	2	
329	Điều dưỡng	ĐDHĐ.137	Vũ Thị Thanh	Huyền	24/09/1992	Nữ	Kinh	013127724	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	7.6	7.5	21.8	7.76	3	
330	Điều dưỡng	ĐDHĐ.138	Trần Thị Thu	Thùy	05/08/1989	Nữ	Kinh	036189005496	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.5	6.1	5.4	18	7.5	3	07
331	Điều dưỡng	ĐDHĐ.139	Nguyễn Diệu	Quỳnh	11/12/1989	Nữ	Kinh	001189028767	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	7.7	7.5	21.5	7.12	3	07
332	Điều dưỡng	ĐDHĐ.140	Nguyễn Văn	Đại	16/03/1986	Nam	Kinh	658600540258	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	5.8	6.6	17.7	7.5	3	
333	Điều dưỡng	ĐDHY.001	Lương Thị	Hồng	10/12/1992	Nữ	Kinh	033192004863	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	6.4	6.8	18.5	7.83	2-NT	07
334	Điều dưỡng	ĐDHY.002	Lê Thị	Hào	08/04/1997	Nữ	Kinh	033197002099	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	7.9	7	23.3	7.52	2-NT	
335	Điều dưỡng	ĐDHY.003	Đỗ Thị	Tươi	09/02/1992	Nữ	Kinh	145521427	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	6.4	7.7	22.4	7.89	2	
336	Điều dưỡng	ĐDHY.004	Phạm Thị	Hoa	04/09/1992	Nữ	Kinh	033192000163	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	6.5	6	20.2	8.17	2-NT	
337	Điều dưỡng	ĐDHY.005	Bùi Thúy	Nga	05/09/1998	Nữ	Kinh	033198000505	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.5	7.5	8.1	24.1	7.52	2-NT	
338	Điều dưỡng	ĐDHY.006	Đỗ Thị Thu	Hường	07/09/1991	Nữ	Kinh	145383345	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	6.3	5.1	18.4	7.95	2-NT	07
339	Điều dưỡng	ĐDHY.007	Nguyễn Thị	Lân	24/09/1991	Nữ	Kinh	145433536	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	5.9	6	17.2	7.32	2-NT	07
340	Điều dưỡng	ĐDHY.008	Lê Thị Thanh	Huệ	10/04/1990	Nữ	Kinh	033190004565	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	5.6	7.5	19.3	8.1	2-NT	07
341	Điều dưỡng	ĐDHY.009	Nguyễn Thị	Dung	20/11/1988	Nữ	Kinh	033188007385	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.3	7.3	6.3	21.9	6.3	2-NT	07
342	Điều dưỡng	ĐDHY.010	Lưu Quang	Thành	06/10/1997	Nam	Kinh	145751992	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.3	6.9	6.8	20	7.46	2-NT	
343	Điều dưỡng	ĐDHY.011	Phạm Thị Thu	Hương	01/08/1981	Nữ	Kinh	145820877	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	5.4	5.7	17.2	6.7	2	07
344	Điều dưỡng	ĐDHY.012	Nguyễn Thị Mai	Thoan	10/10/1985	Nữ	Kinh	033185003452	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.5	8.3	7.9	23.7	8	2	07
345	Điều dưỡng	ĐDHY.013	Dương Thị Khánh	Huyền	01/10/1997	Nữ	Kinh	145802747	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.1	8.5	7.8	24.4	7.42	2-NT	
346	Điều dưỡng	ĐDHY.014	Nguyễn Thị	Liều	11/09/1989	Nữ	Kinh	033189008302	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.3	6	6.6	16.9	7.85	2-NT	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
347	Điều dưỡng	ĐDHY.015	Phạm Thị	Luyến	26/02/1989	Nữ	Kinh	036189005218	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	7.5	6	20.2	7.58	2-NT	07
348	Điều dưỡng	ĐDHY.016	Trần Thị Hồng	Nguyên	11/03/1990	Nữ	Kinh	145405826	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.9	6.3	6.5	17.7	8.03	2-NT	07
349	Điều dưỡng	ĐDHY.017	Nguyễn Thị	Dịu	06/06/1993	Nữ	Kinh	145488111	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.3	7.6	7.8	22.7	7.9	2-NT	07
350	Điều dưỡng	ĐDHY.018	Trần Thị	Phương	08/08/1984	Nữ	Kinh	033184002373	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	7	7.8	22	8.02	2	07
351	Điều dưỡng	ĐDHY.019	Nguyễn Thị	Thủy	13/08/1991	Nữ	Kinh	033191001960	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	7.5	8.2	23.9	7.49	2-NT	
352	Điều dưỡng	ĐDHY.020	Phạm Trà	My	28/02/1996	Nữ	Kinh	013306228	TN Cao đẳng loại khá trở lên	9.4	8.4	8.1	25.9	7.6	2-NT	
353	Điều dưỡng	ĐDHY.021	Đào Thị	Linh	14/01/1988	Nữ	Kinh	033188006796	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.4	7	7.4	22.8	7.1	2	07
354	Điều dưỡng	ĐDHY.022	Trần Thị Thu	Hoài	26/02/1986	Nữ	Kinh		TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.9	8.1	7.9	22.9	7.22	2	07
355	Điều dưỡng	ĐDHY.023	Mai Thị	Hường	14/05/1992	Nữ	Kinh	145447725	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	6.5	7	20.5	7.93	2	07
356	Điều dưỡng	ĐDHY.024	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/01/1995	Nữ	Kinh	145631385	TN Cao đẳng loại khá trở lên	8.2	6.8	8	23	7.93	2	07
357	Điều dưỡng	ĐDHY.025	Vũ Thị	Huyền	28/11/1987	Nữ	Kinh	145624573	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	7.3	7.1	20.6	8	2	07
358	Điều dưỡng	ĐDHY.026	Đỗ Thị Minh	Phương	06/12/1998	Nữ	Kinh	145840627	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	7.5	7	21.7	6.88	2-NT	
359	Điều dưỡng	ĐDHY.027	Lê Thị	Hạnh	15/09/1992	Nữ	Kinh	145459752	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	6	5.5	17	7.3	2-NT	07
360	Điều dưỡng	ĐDHY.028	Trần Thị	Thủy	27/09/1990	Nữ	Kinh	145362864	TN Cao đẳng loại khá trở lên	4.2	4.3	5.5	14	7.93	2-NT	07
361	Điều dưỡng	ĐDHY.029	Trần Thị Bích	Hằng	19/02/1988	Nữ	Kinh	033188005462	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.2	6.2	7.1	19.5	7.99	2	
362	Điều dưỡng	ĐDHY.030	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	14/01/1985	Nữ	Kinh	033185001678	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	6.5	5.8	17.8	7.76	2-NT	07
363	Điều dưỡng	ĐDHY.031	Nguyễn Thu	Hương	12/09/1985	Nữ	Kinh	033185002391	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.8	5.8	5.8	18.4	8	2-NT	07
364	Điều dưỡng	ĐDHY.032	Đào Thị	Huyền	29/06/1987	Nữ	Kinh		TN Cao đẳng loại khá trở lên	7	6.9	7	20.9	7.96	2	
365	Điều dưỡng	ĐDHY.033	Đỗ Thị	Quyên	25/02/1985	Nữ	Kinh		TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.2	7.5	6.7	21.4	7.8	2	
366	Điều dưỡng	ĐDHY.034	Nguyễn Thị	Trang	15/12/1992	Nữ	Kinh	033192003133	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	5.1	6.7	17.9	8.3	2-NT	07
367	Điều dưỡng	ĐDHY.035	Khúc Thị	Hương	20/06/1989	Nữ	Kinh	033189004896	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.1	8.1	7	21.2	7.9	2-NT	07

STT	Tên ngành dự tuyển	MÃ HỒ SƠ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Gới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ	Học Bạ (Lớp 12)			Tổng điểm 3 môn	Điểm TBC bậc CĐ	Khu vực	Đối tượng ưu tiên
										Toán	Hóa	Sinh				
368	Điều dưỡng	ĐDHY.036	Nguyễn Thị Việt	Hồng	16/02/1991	Nữ	Kinh	145403266	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.6	4.6	17.2	7.26	2-NT	07
369	Điều dưỡng	ĐDHY.037	An Cao	Sơn	28/02/1989	Nam	Kinh	033089004910	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	5.1	5.3	15.7	7.72	2	07
370	Điều dưỡng	ĐDHY.038	Đinh Thị Thu	Hà	26/03/1994	Nữ	Kinh		TN Cao đẳng loại khá trở lên	8	7.2	6.6	21.8	6.7	2-NT	
371	Điều dưỡng	ĐDHY.039	Trần Thị	Vê	25/11/1989	Nữ	Kinh	036189001758	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	6.1	5.2	17.3	7.76	3	07
372	Điều dưỡng	ĐDHY.040	Nguyễn Thị	Chi	20/04/1990	Nữ	Kinh	001190024017	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6.7	6.5	6.5	19.7	7.84	3	07
373	Điều dưỡng	ĐDHY.041	Bùi Minh	Nguyệt	02/09/1990	Nữ	Kinh	013105753	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.5	7.1	7.3	19.9	7.9	3	07
374	Điều dưỡng	ĐDHY.042	Nguyễn Cảnh	Toàn	24/06/1995	Nam	Kinh		TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.3	7.1	6	18.4	7.66	3	07
375	Điều dưỡng	ĐDHY.043	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/08/1988	Nữ	Kinh	012642298	TN Cao đẳng loại khá trở lên	7.7	7	8.2	22.9	8.07	3	07
376	Điều dưỡng	ĐDHY.044	Lê Thị	Phượng	21/06/1988	Nữ	Kinh	034188000475	TN Cao đẳng loại khá trở lên	6	5.9	7.4	19.3	8.12	3	07
377	Điều dưỡng	ĐDHY.045	Nguyễn Thị	Ngọc	06/06/1989	Nữ	Kinh	001189005065	TN Cao đẳng loại khá trở lên	5.6	5	4.7	15.3	8.3	2	